

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hiếu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 496/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1986; HKTT: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Khắc H, sinh năm 1986; HKTT: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 30/8/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 17/7/2017, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà T) trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 16/01/2008. Trong

quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông H thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến vợ con. Mỗi lần vợ chồng gây gổ, cãi nhau thì ông H thường đuổi bà T ra khỏi nhà. Ngoài ra, ông H còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Việc vợ chồng bà T thường xuyên cãi nhau, ông H đuổi bà T ra khỏi nhà thì có mẹ chồng là bà Nguyễn Thị H2 biết. Đối với việc ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác thì chỉ có mình bà T biết nhưng bà T không có chứng cứ gì để cung cấp. Trên thực tế, bà T và ông H đã không chung sống từ tháng 5/2017 cho đến nay. Hiện nay, giữa vợ chồng không còn tình cảm nên không thể chung sống với nhau được nữa. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa bà T và ông H có 01 con chung tên Phạm Khánh B, sinh ngày 31/3/2009. Cháu Phạm Khánh B hiện đang sống cùng với ông H nên bà T đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chứng cứ bà T giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình*: 01 đơn khởi kiện ngày 17/7/2017, bản sao giấy CMND, bản sao sổ hộ khẩu thường trú của bà T; bản sao giấy khai sinh của cháu Phạm Khánh B; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản tự khai ngày 17/7/2017 của bà T. Ngoài ra, bà T không có ý kiến và cung cấp chứng cứ gì khác.

*** Theo bản tự khai, các biên bản làm việc, đơn xin giải quyết vắng mặt bị đơn (ông H) trình bày:**

Ông H xác định giữa ông H và bà T có quan hệ là vợ chồng. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, do công việc hay xa nhà nên vợ chồng không nói chuyện thường xuyên và quan tâm lẫn nhau, có nhiều lúc quá nóng giận ông H có nói đuổi bà T ra khỏi nhà. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng lại hàn gắn tình cảm với nhau. Từ khoảng đầu tháng 5/2017 đến nay, bà T bỏ nhà đi và để con chung là cháu Phạm Khánh B lại cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H thì ông H không đồng ý. Ông H muốn vợ chồng cùng nhau hàn gắn tình cảm để xây dựng gia đình hạnh phúc. Ông H không đồng ý ly hôn nên ông H không có ý kiến đối với việc con chung, tài sản chung và nợ chung. Do bận công việc nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Chứng cứ ông H cung cấp chứng minh cho ý kiến của mình: 01 bản tự khai ngày 08/8/2017 và 01 bản photo giấy chứng minh nhân dân của ông H. Ngoài ra, ông H không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến gì khác.

*** Theo biên bản làm việc ngày 30/8/2017, con chung (cháu B) trình bày:**

Ba mẹ ly hôn, không chung sống với nhau thì cháu B có nguyện vọng sống chung với ba là ông Phạm Khắc H. Hiện nay, mẹ cháu là bà Nguyễn Thị Thanh T đã bỏ nhà đi, không còn sống chung với 02 cha con cháu nữa.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

- Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của bà T và ông H, xác định được như sau: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H như thế nào địa phương không biết cụ thể vì không thấy ai thông báo với chính quyền địa phương nhưng từ khoảng tháng 5/2017 cho đến nay, bà T và ông H đã không còn chung sống với nhau. Hiện nay, bà T đi đâu làm gì thì địa phương không nắm rõ do bà T không khai báo.

- Tòa án đã tiến hành xác minh với bà Nguyễn Thị H2 (mẹ ruột của ông H) và xác định được: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do đâu thì bà H2 không rõ. Bà H2 thấy bà T và ông H thường xuyên cãi nhau và ông H có hành vi đuổi bà T ra khỏi nhà. Từ đầu tháng 5/2017 đến nay, bà T đã bỏ đi, không còn chung sống với ông H nữa. Giữa bà T và ông H có 01 con chung tên Phạm Khánh B. Hiện nay cháu B đang do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông H vắng mặt đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông H theo các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông H vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 30/8/2017 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà T khởi kiện đối với bị đơn ông H, theo đó bà T yêu cầu được ly hôn với ông H và đồng ý giao con chung tên Phạm Khánh B, sinh ngày 31/3/2009 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung tên Phạm Khánh B có nguyện vọng được sống cùng với ông H. Ông H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T: Bà T và ông H chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2008 tại UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa bà T và ông H là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà T và ông H thường xảy ra mâu thuẫn, do hai bên bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn ông H không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương yêu bà T và mong muốn cùng bà T tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, bà T thấy rằng không còn tình cảm vợ chồng nên cương quyết ly hôn đối với ông H. Quá trình làm việc với ông H và xác minh đối với bà Nguyễn Thị H2 (mẹ ruột của ông H) thì xác định được giữa bà T và ông H thường xuyên cãi nhau, ông H thường có lời lẽ đuổi bà T ra khỏi nhà và từ tháng 5/2017 đến nay bà T và ông H đã không còn sống chung với nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc tranh chấp ly hôn của bà T đối với ông H.

[4] *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa bà T và ông H có 01 con chung tên Phạm Khánh B, sinh ngày 31/3/2009. Bà T yêu cầu giao cháu B cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến đòi với việc ai nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình làm việc, cháu B có nguyện vọng muốn được sống cùng với ông H. Hiện nay, cháu B đang sống chung với ông H, do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao cháu B cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do ông H không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết. Trường hợp ông H có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung thì ông H được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T không tranh chấp và ông H không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Phạm Khắc H, xử lý cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn đối với ông Phạm Khắc H.

2. *Về con chung*: Ông Phạm Khắc H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Khánh B, sinh ngày 31/3/2009. Do ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Thanh T không tranh chấp, ông Phạm Khắc H không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005576 ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 25/9/2017).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- UBND xã M, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng